

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày: 07-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH B PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển

Ông Nguyễn Như Huy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/2024/TB-TA ngày 16/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1992 tại ĐN; Trú tại: Thôn ĐK, xã P, huyện B, tỉnh B Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; bị cáo có vợ Chiu Linh M, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện B, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2016, Nguyễn Minh V lên mạng xã hội Facebook thuê làm giả hợp đồng thuê đất với giá 3.500.000 đồng. Hợp đồng thể hiện bên cho thuê là ông Trần Văn K - Chức vụ: Giám đốc có dấu đỏ hình tròn của

Nông trường 3,4,6,8; bên thuê là Nguyễn Minh V, số lượng đất cho thuê là 500 ha (héc ta) đất tại các Nông trường 3,4,6,8, giá thuê là 7.000.000 đồng/ha. Sau khi có hợp đồng, V gặp và nói với người quen là ông Nguyễn Ngọc T (tên thường gọi là Năm Cụt), sinh năm 1953, trú tại thôn 3, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng có ai thuê đất trồng cây mì (sắn) thì giới thiệu cho V. Sau đó, ông T giới thiệu Trần Mạnh T, sinh năm 1988, trú tại Ấp C, xã Q, huyện CT đến gặp V để thuê đất trồng cây mì. Khi gặp T, V nói hiện tại V đã thuê được 500 ha đất của C ty cao su Phú Riềng để trồng hoa màu, T đề nghị V cho thuê lại 50 ha đất với giá 6.000.000 đồng/ha, V đồng ý. Đến ngày 03/5/2016, T cùng với ông T và ông Phùng Văn Hun, sinh năm 1955 (bố vợ T) đến một quán cà phê tại thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng để gặp V. V dẫn T, ông T và ông Hun đi xem hai lô đất của C ty cao su Phú Riềng mới cắt cây cao su xong và V nói cho T thuê hai lô đất nêu trên tại địa bàn xã Bù Nho và xã Long Hưng huyện Phú Riềng. Sau khi xem đất xong, T đồng ý thuê và đưa trước cho V số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc.

Ngày 05/5/2016, V tiếp tục hẹn và gặp T tại một quán cà phê ở thành phố Đồng Xoài, V nói cần tiền để làm hợp đồng nên T đưa thêm cho V số tiền 40.000.000 đồng tiền đặt cọc (số tiền này V viết tiếp vào giấy nhận cọc ngày 03/5/2016) đồng thời T đưa giấy chứng minh nhân dân của mình để V làm hợp đồng. V tiếp tục lên mạng xã hội Facebook làm giả giấy tờ thuê đất với giá 1.500.000 đồng, hợp đồng đề ngày 09/5/2016, bên cho thuê là ông Trần Văn K - Chức vụ: Giám đốc đã ký và có đóng dấu đỏ hình tròn của Nông trường 3,4,6,8; bên thuê để trống, giá thuê đất là 8.000.000/ha, thời gian thuê là một năm từ ngày 20/5/2016.

Đến ngày 09/5/2016, V gặp T tại một quán cà phê ở thành phố Đồng Xoài, V đưa cho T một bản hợp đồng thuê đất đề ngày 09/5/2016 nên trên và T ký tên, ghi họ tên vào vị trí bên thuê đất. Sau đó, T đến ngân hàng Sacombank tại thành phố Đồng Xoài chuyển khoản vào số tài khoản: 0500833112 mở tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Phước B cho V số tiền 250.000.000 đồng. V nói với ông T khoảng 01 tháng sau khi cày xong đất sẽ giao đất cho T. Tuy nhiên, V không giao đất và cũng không trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho T nên ngày 01/8/2016, T làm đơn tố giác V đến cơ quan CSĐT C an tỉnh B Phước. Ngày 20/7/2017, Cơ quan CSĐT C an tỉnh B Phước chuyển đơn tố giác cùng hồ sơ đến Cơ quan CSĐT huyện Phú Riềng để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 416/2017/GĐ-OC54 ngày 01/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh B Phước kết luận: Chữ ký mang tên Trần Văn K trên tài liệu giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Trần Văn K trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M5 không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn nội dung “NÔNG TRƯỜNG 3.4.6.8 CTY TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG – S.Q.Đ: 12-C.T.T.N.H.H * H.PHÚ RIỀNG - T. B PHƯỚC*”

trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M1, M4 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 hợp đồng thuê quyền sử dụng đất Nguyễn Minh V cho Trần Mạnh T thuê 30 ha thuộc Nông trường 4, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng từ ngày 20/5/2016 đến 20/5/2017 do Nguyễn Minh V soạn;

- 02 Hợp đồng thuê đất ngày 09/5/2016 C ty TNHH MTV cao su Phú Riềng cho Trần Mạnh T thuê 50ha đất có dấu mộc đỏ của Nông trường 3.4.6.8 C ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng, do Trần Văn K làm đại diện. Phía sau bản hợp đồng có bản cam kết nếu Nguyễn Minh V không có đất để giao cho Trần Mạnh T để T giao cho Nguyễn Quốc Trung thì V phải bồi thường cho Trung. Có chữ ký của Nguyễn Minh V, Trần Mạnh T và Nguyễn Quốc Trung; 01 hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 01/4/2016 C ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng cho Trần Mạnh T thuê 50ha đất có dấu mộc đỏ của Nông trường 3.4.6.8 C ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng cho Nguyễn Minh V thuê 500ha đất tại Nông trường 3.4.6.8;

- 01 phiếu thu tiền thuê đất Trần Mạnh T nộp vào C ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng 300.000 đồng, vị trí người nộp tiền ký tên Nguyễn Minh V;

- 01 giấy chuyển tiền 250.000.000 đồng qua ngân hàng Sacombank – Chi nhánh B Phước, người nộp Trần Mạnh T, người hưởng thụ Nguyễn Minh V;

- 01 giấy CMND mang tên Nguyễn Minh V;

- 01 giấy cam kết nhận tiền ngày 03/5/2016 và ngày 05/5/2016 Nguyễn Minh V;

- 01 giấy cam kết V và vợ Hoàng Phương Thảo ngày 07/6/2016 cam kết trả tiền cho T có sự chứng kiến của Lê Văn Hiến;

- 01 giấy rút lại tiền cọc 20.000.000 đồng do Nguyễn Quốc Trung ký ngày 04/6/2016 do Trần Mạnh T cung cấp.

- 01 Phiếu chi số 219 ngày 30/9/2016;

- 01 phiếu chi số 145 ngày 20/6/2016;

- 01 phiếu thu chi số 59 ngày 25/2/2016 do Phạm Viết Hải cung cấp.

- 01 CMND phô tô mang tên Trần Văn T;

- 01 CMND phô tô mang tên Lê Ngọc B;

- 01 giấy nhận nợ tiền thuê đất bản phô tô giữa người nhận tiền Lê Ngọc B, người đưa tiền là Nguyễn Minh V do Nguyễn Minh V giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 22/Ctr -VKS ngày 14/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước truy tố Nguyễn Minh V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại

điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; Điều 54; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Các tài liệu do Trần Mạnh T, Nguyễn Minh V và Phạm Viết Hải cung cấp và giao nộp đã được đánh số bút lục lưu tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau sự việc xảy ra bà Nguyễn Thị N (mẹ V) đã trả lại cho Trần Mạnh T số tiền 300.000.000 đồng. Người bị hại Trần Mạnh T không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự và bà N không yêu cầu V trả lại số tiền 300.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại Nguyễn Mạnh T. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định.

[2] *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa, Nguyễn Minh V khai nhận tháng 4 năm 2016, V không có đất cho thuê nhưng lên mạng xã hội facebook đặt làm giả hợp đồng thuê đất với mục đích tìm người tin tưởng là V có đất cho thuê để ký hợp đồng thuê đất nhằm kiếm tiền. Qua sự giới thiệu, V gặp Trần Mạnh T, địa chỉ ấp C, xã Q, huyện CT đang có nhu cầu thuê đất. V giới thiệu thuê được 500ha đất để trồng hoa màu và đưa cho T xem hợp đồng giả. T tin tưởng V có đất cho thuê nên thỏa thuận thuê lại 50ha. Sau khi dẫn T đi xem đất, T đã giao cho V tổng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) xong sau đó V không có đất để giao cho T như thỏa thuận.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 4/2016, Nguyễn Minh V lên Facebook đặt làm giả hợp đồng thuê đất nhằm mục đích tìm người cho thuê lại để kiếm tiền. Qua người quen giới thiệu, V gặp Trần Mạnh T. Biết T

có nhu cầu thuê đất để trồng mì, V giới thiệu mình có đất cho thuê. Nhằm tạo sự tin tưởng của T, V đưa cho T xem hợp đồng giả trước đó đã đặt làm trên facebook, đưa T đi xem đất của C ty cao su Phú Riềng mới cắt. T tin tưởng ký hợp đồng thuê lại của V 50ha đất với giá 6.000.000đ/ha và đã giao cho V 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền thuê đất nhưng sau đó V không có đất để giao cho T, cũng không trả lại tiền cho T. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự. Với số tiền chiếm đoạt 300.000.000đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần tuyên xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo xong cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại Trần Mạnh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát* tham gia phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Minh V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 05/02/2024.

[2] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh V phải chịu 200.000 đồng.

[3] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết C khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước;
- VKSND tỉnh B Phước;
- Phòng HS nghiệp vụ - CA tỉnh BP;
- VKSND huyện Phú Riềng
- Chi cục THA huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

